

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Kế hoạch), với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng phát triển, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược phát triển Nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Chiến lược); triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện Chiến lược; xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời và thống nhất.

Tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm; huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự đồng hành của doanh nghiệp và sự đồng thuận, chủ động, quyết tâm của người dân; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chiến lược.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện.

Nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Chiến lược.

Trên cơ sở nội dung định hướng, giải pháp của Chiến lược, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch hành động hoặc chương trình triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết; đồng thời, tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, định hướng, giải pháp của Kế hoạch.



II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài; góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính. Không ngừng nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; phát triển đa dạng sinh kế, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn; đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng miền. Xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, hiện đại, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ tiệm cận đô thị; môi trường sống tốt đẹp, an toàn; xã hội nông thôn giàu bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025 từ 5 - 6%; giai đoạn 2026 - 2030 từ 4 - 5%;

- Tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021- 2025 là 76,7%; giai đoạn 2026 - 2030 là 66%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ nghèo dưới 1%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường 95%.

- Hộ nghèo theo chuẩn tiếp cận đa chiều đa chiều ở nông thôn giảm bình quân hàng năm từ 2.000 – 2.500 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó, tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo 80%; duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn trên 90%.

- Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 100% đơn vị cấp huyện (11 huyện, thị xã, thành phố) được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, khoảng 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; khoảng 20% xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Người dân nông thôn có điều kiện phát triển toàn diện. Nông thôn thịnh vượng, không còn hộ nghèo; trở thành nơi đáng sống, văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống và thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hòa với đô thị.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến triển khai thực hiện

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức quán triệt, phổ biến các nội dung của Kế hoạch đến cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới; về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; tập trung vào các nội dung: phát triển nền nông nghiệp bền vững (hữu cơ, sinh thái), nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp có trách nhiệm; thay đổi tư duy, nhận thức của người sản xuất từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, phát triển bao trùm, đa giá trị gắn kết giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; giữa nông thôn với đô thị; giữa hộ nông dân với doanh nghiệp; giữa chuỗi giá trị trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu...

- Đổi mới hình thức tuyên truyền nhằm tăng khả năng tiếp cận của cán bộ, người dân, doanh nghiệp, thông qua các chuyên đề, phóng sự, chuyên mục, chuyên trang, xây dựng mô hình trình diễn, hình thành lực lượng tư vấn có chất lượng, xây dựng tài liệu, giáo trình... để từng bước chuyển đổi tư duy một cách có hiệu quả nhất.

2. Đổi mới tổ chức sản xuất, kinh doanh; hoàn thiện quan hệ sản xuất

- Khuyến khích, vận động, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các chính sách hỗ trợ về vốn, khoa học công nghệ, máy móc thiết bị, tích tụ đất đai... để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất và tham gia hợp tác, liên kết trong các chuỗi giá trị bền vững. Phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí, nâng cao giá trị nông sản.

- Xây dựng kế hoạch đổi mới và phát triển hợp tác xã trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ; khuyến khích hợp tác xã chủ động xây dựng chuỗi giá trị, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Xây dựng các liên hiệp các hợp tác xã có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả.

- Phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng sản phẩm chủ lực của địa phương; kết nối các vùng chuyên canh, hình thành không gian kinh tế chung giữa các địa phương; gắn các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị.

- Thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới đáp ứng nhu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế



phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo); nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ cung cấp chuyên gia công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...).

- Nghiên cứu xây dựng các chương trình hỗ trợ, khuyến khích nông dân khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp, nông thôn. Hỗ trợ thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ đối với sản phẩm chủ lực có nguồn nguyên liệu đủ lớn. Đồng thời thu hút khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động.

- Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ đa dạng ở nông thôn, đa dạng hóa các loại hình, quy mô để tạo việc làm, thu hút lực lượng lao động không tham gia sản xuất nông nghiệp, chuyển sang kinh doanh ngành nghề công nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ; đổi mới sáng tạo và thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Chú trọng đào tạo kỹ thuật, tay nghề bậc cao cho lao động nông nghiệp, nông thôn; đào tạo lực lượng lao động trẻ các kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, tập trung đào tạo “nông dân số”. Từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp. Chú trọng đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường, chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn và nội ngành nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa ngành nghề ở nông thôn. Quan tâm đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu, chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ quản lý ngành Nông nghiệp và PTNT, hình thành đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực như: ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi số trong nông nghiệp, tiếp cận và ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng lần thứ tư.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ cho nông dân, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác giống, quy trình sản xuất, công nghệ sinh học, bảo quản, chế biến tinh sâu, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, chứng nhận về an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn chất lượng, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, xây dựng thương hiệu, chứng nhận sản phẩm OCOP cho sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Phát triển các mô hình nông lâm thủy sản kết hợp, mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, công nghệ thông tin trong các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của ngành.

- Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, số hóa cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và PTNT, tích hợp với cơ sở dữ liệu tỉnh, quốc gia. Ứng dụng công nghệ số trong dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch. Tự

động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác. Hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất nắm bắt thông tin, dự báo, điều chỉnh phương án sản xuất, kết nối thị trường, xúc tiến thương mại thông qua các phần mềm, nền tảng thương mại điện tử.

- Đổi mới hoạt động khuyến nông; phát triển khuyến nông điện tử, khuyến nông cộng đồng. Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo, nghiên cứu và hoạt động khuyến nông tại cơ sở.

4. Phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản

Kết nối, tổ chức cho doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế; đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại tạo điều kiện hình thành, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản thực sự bền vững. Tổ chức các sàn giao dịch nông sản hàng hóa gắn với vùng nguyên liệu và chế biến sản phẩm nông nghiệp.

- Kết nối với các chuỗi cung ứng nông sản, gắn với các vùng chuyên canh, liên kết để đưa nông sản vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước. Đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, có chính sách hỗ trợ các đơn vị sản xuất, kinh doanh phát triển thương mại điện tử, xây dựng các kênh phân phối, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng.

- Tạo cơ hội, hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường, các hiệp định thương mại tự do để các doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản chủ lực, kịp thời cung cấp thông tin để các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung, ứ ứ hàng hóa, đứt gãy chuỗi cung ứng. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân (xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu...).

5. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu, ưu tiên các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, cây trồng cạn, vùng sản xuất công nghệ cao. Tiếp tục xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu (phòng chống lũ, hạn, sấm sét, nhiễm mặn...); bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả để tưới tiết kiệm nước.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất giống thủy hải sản tập trung; hoạt động khảo nghiệm kiểm nghiệm, kiểm định

nuôi trồng thủy sản.

- Đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn nhằm phòng, chống, giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến; giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị đảm bảo năng lực cảnh báo, dự báo, khả năng chống chịu trước thiên tai. Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng dụng công nghệ dự báo tiên tiến, ưu tiên công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất. Đầu tư củng cố, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai nhất là hệ thống đê điều, công, đập ngăn lũ. Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại các khu vực xung yếu, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, ứng phó thiên tai để phục vụ sản xuất, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác.

- Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu (điện, đường, trường, trạm, viễn thông) cho những vùng khó khăn. Ưu tiên phát triển đường, điện, cấp nước cho vùng sản xuất tập trung.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông nội đồng, giao thông kết nối các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn với các đường tỉnh lộ hay quốc lộ kết nối không gian phát triển giữa địa phương để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ chuỗi lạnh, vận chuyển nông sản tươi sống, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là các kho dự trữ, bảo quản, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công tác thú y, kiểm dịch thực vật đảm bảo an toàn thực phẩm. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường (xử lý tái tạo nước thải, rác thải, tái sử dụng phế, phụ phẩm,...).

- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật số phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tạo điều kiện hiện đại hóa nông thôn. Phát triển nền tảng công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử.

6. Đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Đổi mới, hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý ngành. Cải cách thủ tục hành chính, tập trung xây dựng chính sách, chiến lược, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tháo gỡ các vấn đề về phát triển thị trường, bảo vệ sản xuất, biến đổi khí hậu; hạn chế can thiệp bằng các biện pháp hành chính vào các quyết định sản xuất, kinh doanh thuộc năng lực và trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp.

- Tinh giảm thủ tục, minh bạch thông tin, quy trình hóa công việc gắn với trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, tổ chức. Đổi mới tuyển dụng, đào tạo, sử dụng,

bổ nhiệm công chức, viên chức đảm bảo chất lượng năng lực chuyên nghiệp và đạo đức, trách nhiệm. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành nông nghiệp, hình thành cơ chế tư vấn, đối thoại chính sách thường xuyên, chính thức giữa đội ngũ chuyên gia, đại diện nông dân và doanh nghiệp với cơ quan quản lý ngành.

- Nâng cao vai trò cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, được đầu tư theo hiệu quả đóng góp. Đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, kinh tế hợp tác và khôi tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công (khuyến nông, nghiên cứu khoa học, thông tin thị trường,... gắn với kinh tế hợp tác, với hội đồng ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp,...). Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển hệ thống tư vấn, dịch vụ kỹ thuật phục vụ khách hàng tại các vùng sản xuất thuận tiện. Tập trung cán bộ và kinh phí nhà nước vào dịch vụ bảo vệ sản xuất (thú y, bảo vệ thực vật, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm lâm, phòng chống thiên tai...) để phòng chống dịch bệnh, quản lý rủi ro. Phối hợp đồng bộ công tác kiểm dịch, dự báo, cảnh báo, chỉ đạo can thiệp và tư vấn phòng chống, kiểm dịch cửa khẩu, kiểm soát hàng hóa, kiểm soát thị trường, kiểm dịch nội địa, kiểm tra sản xuất, thông tin dịch bệnh...

- Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã tỉnh để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và xã viên hợp tác xã. Nâng cao vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; các hội, hiệp hội nghề nghiệp, đưa các tổ chức xã hội ở nông thôn vào tham gia quá trình phát triển kinh tế xã hội, môi trường, thể chế trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.

7. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Có chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tăng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng Chính phủ điện tử. Phát triển khuyến nông điện tử, thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo dịch bệnh, thiên tai; quản lý vùng nguyên liệu.

- Xây dựng phương án tổng thể về phát triển hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...). Xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sinh, kinh tế, hạ tầng sản xuất, công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn... làm cơ sở cho phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư cho chuyển đổi nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

8. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro

- Phát huy lợi thế của từng địa phương phát triển cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, thân thiện, hài hòa với thiên nhiên gắn với làng sinh thái, thông minh. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như chăn nuôi, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải cách xa các vùng đông dân cư, khu du lịch nghỉ dưỡng.

- Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu bằng các biện pháp canh tác thích nghi; áp dụng rộng rãi các biện pháp thân thiện với môi trường. Tăng cường sử dụng nguyên liệu vi sinh hoặc hữu cơ, áp dụng kỹ thuật thông minh, kinh tế tuần hoàn để tiết kiệm đầu vào, phát triển mạnh tiềm năng sản xuất năng lượng tái tạo kết hợp nông nghiệp. Quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng mới rừng tập trung và tái sinh tự nhiên để tăng độ che phủ và khả năng hấp thụ, lưu giữ các - bon của rừng; phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao. Tăng cường nghiên cứu và chuyên gia các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu. Có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các giải pháp tiết kiệm nước.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp để chủ động đối phó, khắc phục các nguy cơ quan trọng cho sản xuất và phát triển nông thôn như các đối tượng dịch bệnh chính gây thiệt hại quy mô rộng (Cúm gia cầm, Dịch tả lợn Châu Phi...), các hiện tượng nguy hại (lũ ống, lũ quét, sạt lở đất vùng núi, sạt lở bờ sông...), các xu hướng diễn biến bất lợi (già hóa dân số, di cư tự do...) đảm bảo phát triển bền vững và nông nghiệp luôn là nền tảng đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế.

9. Hội nhập và hợp tác quốc tế

- Tích cực hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học, công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành. Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho phát triển bền vững.

- Tham gia các chương trình, kế hoạch phát triển thị trường xuất khẩu, chủ động tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu.

10. Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống, phát huy dân chủ cơ sở, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn

- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới phát triển gắn với đô thị hóa phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của từng vùng miền; bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, vì lợi ích của người dân. Tập trung nguồn lực đầu tư hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, an toàn khu, xã dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ cho các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Khuyến khích xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững; đưa nông thôn trở thành “nơi đáng sống”.

- Phát huy hiệu quả vai trò chủ thể, trọng tâm phát triển của người dân; tăng cường phát huy dân chủ, đảm bảo cơ hội tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển (vốn, đất, nước, năng lượng, khoa học công nghệ...), các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội (dinh dưỡng, y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa, thông tin, giao thông...), các cơ hội (học, làm việc, thị trường...).

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, dứt điểm việc xóa đói và tiến đến xóa nghèo. Bảo tồn và phát triển truyền thống văn hóa tốt đẹp. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng dân cư nông thôn nhằm huy động sức mạnh tổng hợp, tinh thần đoàn kết, sáng tạo trong sản xuất và đời sống, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội ở nông thôn.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

(Phụ lục kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình Mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và PTNT được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/9/2018.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện hàng năm và theo yêu cầu. Tham mưu sơ kết vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện vào năm 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2030 và trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm, hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng chính sách phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch và các chính sách của địa phương.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách thúc đẩy tiêu thụ nông sản theo chuỗi liên kết bền vững; hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định, bền vững.

Tăng cường cung cấp thông tin thị trường, nhu cầu nhập khẩu các nước để định hướng cho sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản về các sản phẩm chủ lực của tỉnh, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học, công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn hướng đến nền nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn, thông minh, chính xác.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương và các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho sản phẩm chủ lực của tỉnh.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất. Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất chính sách khuyến khích dồn ghép, tập trung đất đai phục vụ sản xuất quy mô lớn và đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, tham mưu hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường trong khu vực nông nghiệp nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông, thông tin trên địa bàn tuyên truyền sâu rộng Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ và Kế hoạch.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyên đổi số trong nông nghiệp, xây dựng làng, xã thông minh; triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu thực hiện có hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động về kỹ năng, trình độ, phù hợp, bắt kịp công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ tư.

9. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị, địa phương tiếp tục tham mưu đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã, thôn; tham mưu chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực nông nghiệp.

10. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm OCOP tại các điểm du lịch của tỉnh và tại các sự kiện quảng bá du lịch trong và ngoài tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ nội dung Kế hoạch, xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể ở địa phương.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương và của tỉnh, đồng thời, nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành Nông nghiệp.

Bố trí, huy động, lồng ghép các nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

Xây dựng các đề án, dự án trọng điểm phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của địa phương; ưu tiên phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

12. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách đến hợp tác xã thành viên; tuyên truyền, vận động các hợp tác xã tổ chức sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số theo đúng định hướng. Cùng cố tổ chức hoạt động, nâng cao năng lực quản lý điều hành cho các hợp tác xã, liên hợp tác xã.

13. Các Sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý. Phối hợp thực hiện các nội dung của Kế hoạch, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc để thực hiện có hiệu quả.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Chủ động, tham gia có trách nhiệm trong công tác truyền thông và vận động thành viên, hội viên, quần chúng Nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời, lồng ghép các nội dung của Kế hoạch với các chương trình, đề án có liên quan của đơn vị để thực hiện.

Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò của mọi tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện Chiến lược.

15. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn và tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng để các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản.

VII. THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Căn cứ Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương xây dựng, ban hành Kế hoạch hoặc chương trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Định kỳ 6 tháng, hàng năm, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT).

Giao Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh kết quả thực hiện và giải pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc (nếu có)./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ;
- Bộ NN &PTNT;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT (NN-10_{13/7}).



CH. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Huỳnh Anh Minh

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 206 /KH-UBND ngày 15 / 7 /2022 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	CÔNG TÁC QUY HOẠCH, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CHUNG VỀ ĐẤT ĐAI, TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG, THU HÚT ĐẦU TƯ			
1	Rà soát, tích hợp quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT vào quy hoạch tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT; các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
2	Chính sách hỗ trợ tái canh vườn điều và trồng xen ca cao trong vườn điều	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Bình Phước; các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
3	Xây dựng đề án phát triển hệ thống thủy lợi, khai thác nguồn nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
4	Đề án Quản lý, phát triển rừng và nâng cao hiệu quả kinh tế rừng gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
5	Đề án phát triển vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
6	Đề án phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022

7	Xây dựng chính sách hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
8	Xây dựng quy định về quản lý, cung cấp giống, vật tư nông nghiệp, khắc phục tình trạng phân bón, vật tư nông nghiệp, giống cây trồng giả, kém chất lượng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
9	Chương trình huy động nguồn lực đầu tư vào phát triển kinh tế, xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
10	Kế hoạch hoạt động Sản giao dịch công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2022-2025
II	ĐẪY MẠNH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GẮN VỚI ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP; NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ VÀ SỨC CẠNH TRANH; PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SỐ			
1	Đề án Tái cơ cấu toàn diện phát triển ngành Nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
2	Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
3	Kế hoạch nghiên cứu lai tạo giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Bình Phước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2022-2025
4	Kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, cơ khí - tự động hóa, công nghệ thông tin trong các lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2022-2025



5	Đề án phát triển công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Giai đoạn 2022-2030
6	Xây dựng mô hình vườn cây ăn trái gắn với loại hình du lịch Homestays, du lịch trải nghiệm nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2022-2030
III	PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, XÂY DỰNG XÃ HỘI NÔNG THÔN VĂN MINH, HIỆN ĐẠI			
1	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2022-2025
2	Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2022 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2022-2025
3	Tham mưu ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2022-2025
IV	ĐỔI MỚI NÂNG CAO NĂNG LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT			
1	Thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
2	Chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực Nông nghiệp	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022